TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/HS-PT
Ngày 23-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- TH3nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Duy Thạch

Ông Nguyễn Quang Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hấn – Thư ký Tòa án nhân dân thànnh phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2024/TLPT-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo Phạm Thị Nhật L và Ngô Minh Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2024/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng

- Cácbị cáokháng cáo:

1. **Phạm Thị Nhật L**, sinh năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 299 Lô 22 LH, phường ĐK, quận NQ, tH3nh phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N1; con ông Phạm Văn D và bà Lưu Thị H; chưa có chồng và có 01 con 5 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 14/5/2023 chuyển tạm giam ngày 23/5/2023 ; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Nhật L: Ông Nguyễn Anh V - Luật sư Công ty Luật TNHH MVT H, thuộc Đoàn Luật sư tH3nh phố Hải Phòng; có mặt.

2. **Ngô Minh Đ**, sinh năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện , tH3nh phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N1; con ông

Ngô Minh L và bà Trần Thị H, chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bịtạm giữ ngày 16/5/2023 chuyển tạm giam ngày 23/5/2023; có mặt.

- *Vụ án còn có 02 bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.*

- *Bị hại*: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 265 Lô 9 mở rộng, phường Đ, quận H1, tH3nh phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Nhật L, Lê Văn T1 (sinh năm 1971, trú tại số 265, Lô 9 mở rộng, phường Đ, H1, Hải Phòng) và Bùi Hoài N1 (sinh năm 1983, trú tại số 28 BC, tổ 8 phường Đ, H1, Hải Phòng) cùng tham gia làm môi giới bất động sản. Khoảng tháng 5 năm 2022, L, T1, N1 có thoả thuận môi giới bán chung lô đất số 46- 47N4 khu biệt thự P, quận H1, Hải Phòng. L tìm được người mua tên T2 (không rõ lai lịch) nên báo anh T1 biết để nhận tiền đặt cọc của anh T2, nhưng sau đó T1 báo với L là giới thiệu nhầm lô đất nên anh T2 không mua nữa. Qua các mối quan hệ khác anh T1 môi giới bán lô đất số 47N4 cho anh Phương (không rõ lai lịch) và được hưởng 150.000.000 đồng tiền hoa hồng nhưng không chia cho L và N1 vì cho rằng đây là khách riêng của mình. Qua tìm hiểu L biết được thông tin lô đất 47N4 đã giao dịch mua bán tH3nh công và cho rằng anh T1 và N1 ăn chặn phần tiền hoa hồng 50.000.000 đồng theo thoả thuận, nên L đã nhiều lần đòi tiền nhưng T1 và N1 không trả.

Khoảng 16 giờ ngày 13/5/2023, L gặp bạn xã hội là Đậu Văn N3 (tức Chung em) tại quán Cà phê Ruby ở số 07 lô 22 LH, phường ĐK, quận NQ, L nói với N3 về việc L bị anh T1, N1 ăn chặn tiền hoa hồng môi giới đất, thì N3 nói biết chỗ anh T1 thường ngồi uống cà phê, nên L và N3 đi tìm gặp anh T1để đòi anh T1 phải trả tiền cho L. N3 đưa L đến quán Cà phê số 673 lô 22 LH, phường ĐK, quận NQ thì thấy anh T1đang ngồi uống cà phê tại bàn trước của quán, N3, L vào ngồi cùng bàn với anh T1. L nói anh T1đã bán lô đất số 47N4 khu biệt thự Phúc Lộc cho anh T2 và nhận 150.000.000 đồng tiền hoa hồng môi giới thì phải chia cho L và N1 mỗi người 50.000.000 đồng, nhưng anh T1 chối không nhận việc bán lô đất trên nên L chửi anh T1, còn N3 tát một phát vào mặt anh T1 và chửi "Thằng chó, mày ăn chặn tiền của em tao", N3 tiếp tục dọa đánh anh T1. Lúc này, anh T1 nhận đã môi giới bán tH3nh công lô đất 47N4 cho anh P được 150.000.000 đồng tiền hoa hồng môi giới, anh T1 giải thích do khách mua lô đất này là khách riêng của T1, còn N1 và L không tham gia giao dịch môi giới lần này nên anh T1 không chia tiền hoa hồng cho L và N1. N3 và L không đồng ý cách anh T1 giải thích và ép anh T1 phải trả L 50.000.000 đồng tiền hoa hồng, anh T1 không đồng ý. Anh T1 và L gọi điện bảo anh N1 đến để cùng nói chuyện, L gọi điện cho Ngô Minh Đ (người yêu

L) đến để cùng đòi tiền cho L, N3 gọi điện cho các bạn là Nguyễn Hải H3, Phạm Toàn T4 (sinh năm 1995, trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn CB, huyện C, Hải Phòng), C3, Đ (chưa rõ lai lịch) nói là "Chúng mày đến quán Cà phê số 673 Lô 22 LH anh có việc đang cãi nhau". Khoảng 15 phút sau thì H3, T4, C3, Đ lần lượt đi đến. N3 gọi điện tiếp cho Nguyễn Văn M (sinh năm 1995, trú tại V, VP, CH, Hải Phòng) đến. Sau đó, M và 02 người bạn của M là Qu và TH3 (chưa rõ lai lịch) đến quán Cà phê số 673 lô 22 LH gặp N3. Tại đây, T4, H3, M, C3, Đ, Q, T ngồi tại bàn cạnh bàn của N3, L, T1đang ngồi, còn Ngô Minh Đ đi xe ô tô đến thì vào bàn bên trong quán Cà phê ngồi. Anh N1 đến ngồi cạnh anh T1 thì bị N3, T4 xông đến đánh tát vào mặt, L và N3 chửi và yêu cầu anh N1 giải thích việc bán và nhận tiền hoa hồng của lô đất trên. Anh N1 hỏi anh T1 bán lô đất sao không nói cho N1 và L biết, thì anh T1 và N1 cãi nhau, không ai nhận trả tiền cho L, nên N3 đánh tát vào mặt anh T1 và N1 mỗi người một phát, T4 cũng đi sang bàn T1đánh tát vào mặt anh T1, anh N1 và chỉ tay vào mặt T1, N1 nói "để im cho anh tao nói chuyện" thì T1 và N1 không cãi nhau nữa. N1 hỏi T1 có bán được lô đất 47N4 không và việc này có liên quan đến N1 không thì T1 thừa nhận đã bán tH3nh công lô đất 47N4 cho anh Phương rồi nhận 150.000.000 đồng tiền hoa hồng và không liên quan đến N1. L đòi 50.000.000 đồng tiền hoa hồng thì anh N1 nói "tao không liên quan đến việc bán lô đất và số tiền 150.000.000 đồng, nếu liên quan đến tiền hoa hồng bán lô đất thì phần tiền hoa hồng của tao sẽ nhường lại hết cho mày", L nghe thấy vậy thì đồng ý, nhưng vẫn nói "mày bán thì mày phải được chia tiền hoa hồng", anh N1 đứng dậy quát "tao không liên quan, ý chúng mày như nào?" thì M tiến đến tát 02 phát vào mặt anh N1 và nói "mày im mồm đi", anh N1 sợ ngồi xuống ghế không nói gì thêm. L nói với anh T1 là "Cho mày 10 phút để xoay 100.000.000 đồng trả cho tao", anh T1đi vào trong quán cà phê gọi điện hỏi vay tiền của bạn bè và chị Loan (chủ quán Cà phê) để trả L nhưng không được. Anh T1 ra nói với L là "Anh chỉ có 4.000.000 đồng em có lấy trước không?" L chưa trả lời thì N3 nói "Không có tiền thì viết giấy vay nợ của L 100.000.000 đồng và giấy bán xe ô tô cho L", anh T1đồng ý rồi ra xe lấy giấy đăng kiểm vào đưa cho L cùng chìa khóa xe. Lúc này, anh T1, L, N3, T4 và N1 đi vào bàn bên trong quán cùng với Ngô Minh Đ viết giấy vay tiền và bán xe ô tô. Khi N3 đang đọc nội dung giấy vay tiền để anh T1 viết thì T4 nói để cho T4 đọc tiếp nội dung cho anh T1 viết tiếp, N3 đồng ý. T4 đọc nội dung anh T1 vay 100.000.000 đồng của L và phải trả đủ số tiền cho L trong vòng 60 ngày, khi anh T1đang viết giấy thì Đ nói với N3 là "viết thế này không được, để em đọc lại cho T1 viết cho đúng", thì N3, L, T4 đồng ý. Đ yêu cầu anh T1 xé tờ giấy vừa viết bỏ đi và bảo anh T1 viết lại tờ giấy khác theo Đ đọc là "Giấy mượn tiền", thể hiện nội dung anh T1 mượn của L 100.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng, cam kết trong vòng 60 ngày sẽ hoàn trả đủ và anh T1để lại 01 xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 16N – 0691. Khi anh T1 viết giấy thì L cầm tờ đăng kiểm xe đọc số máy, số khung và biển kiểm soát xe cho T1 viết vào giấy mượn tiền, anh T1 viết xong thì đưa cho L cầm giấy rồi ra về. Sau đó, L đưa giấy mượn tiền, giấy đăng kiểm và chìa khóa xe ô tô của anh T1 cho N3 cầm, N3 đưa

chìa khóa xe cho H3 và bảo H3 điều khiển xe ô tô của anh T1đến gửi tại bãi xe khu vực sau Tòa án Hải Phòng rồi đưa chìa khoa xe cho N3.

Đến ngày 14/5/2023, N3 gọi qua điện thoại bảo L trả tiền công cho cả nhóm giúp L đòi tiền, L hứa sẽ trả 20.000.000 đồng cho N3 vàđến gặp N3 lấy "Giấy mượn tiền" mang về nH3 cất giữ. Khi biết thông tin anh T1 sẽ trình báo vụ việc đến cơ quan Công an, thì N3 điều khiển xe ô tô của anh T1 về đỗ tại khu vực trước cửa quán Cà phê Ruby và gửi chìa khóa xe cho chị Nguyễn Thị Ninh (chủ quán Cà phê Ruby) để thương lượng với anh T1, nhưng N3 không liên lạc được với anh T1.

Ngày 14/5/2023, anh Lê Văn T1 làm đơn trình báo Công an quận NQ về vụ việc trên. Cùng ngày, Đậu Văn N3, Phạm Thị Nhật L bị giữ khẩn cấp; thu giữ của N3 01 điện thoại Iphone X màu đen, 01 giấy đăng kiểm xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 16N – 0691.Cơ quan điều tra cũng tiến H3nh tạm giữ xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 16N – 0691 tại khu vực đường trước cửa quán Cà phê Ruby.

Ngày 16/5/2023, Ngô Minh Đ bị bắt giữ khẩn cấp; thu giữ 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng và 01 điện thoại Iphone 5S màu. Ngày 29/5/2023, Nguyễn Hải H3 đến Công an quận NQ xin đầu thú; thu giữ của H3 01 điện thoại Iphone XS max màu đen.

Kết quả khám xét chỗ ở của Đậu Văn N3 không thu giữ đồ vật tài liệu gì liên quan. Khám xét chỗ ở của Phạm Thị Nhật L thu giữ 01 Giấy mượn tiền của T1 viết cho L.

Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 22/5/2023 của Hội đồng định giá tái sản trong tố tụng của Ủy ban nhân dân quận NQ, kết luận: Xe ô tô con Kia Morning biển kiểm soát 16N – 0691, đã qua sử dụng, đến thời điểm bị xâm hại, tài sản trên có giá 118.800.000 đồng.

Anh Lê Văn T1 khai bị nhóm L, N3 tìm gặp đòi tiền hoa hồng môi giới đất cho L và bị nhóm L, N3 chửi, đánh và ép anh T1 phải trả tiền làm anh T1 rất sợ hãi nên buộc phải viết giấy mượn 100.000.000 đồng của L và để lại xe ô tô trên. Việc nhóm L, N3 đánh anh T1 không để lại thương tích nên anh T1 từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường gì.

Anh Bùi Hoài N1 khai không liên quan đến việc anh T1 môi giới bán lô đất 47N4 khu biệt thự Phúc Lộc cho khách của anh T1. Do L nghi ngờ anh N1 cùng với anh T1ăn chặn tiền môi giới bán lô đất trên, nên L gọi điện bảo anh N1 đến rồi nhóm L, N3 xông vào đánh anh N1 làm anh rất sợ hãi. Việc nhóm L, N3 đánh anh N1 nhưng không để lại thương tích, nên anh N1 từ chối giám định thương tích và không yêu cầu gì.

- Cơ quan điều tra đã xác minh được xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 16N – 0691 thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải TH3nh Đạt, địa chỉ số 16B Lê Lai, NQ, Hải Phòng cho anh T1 mượn sử dụng nên đã trả lại xe, chìa khóa xe và giấy tờ xe cho anh T1.

Đối với 01 điện thoại Iphone X màu đen của N3, 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng và 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng của Đ, 01 điện thoại Iphone XS max màu đen của H3, chuyển đến Chi cục Thi H3nh án dân sự quận NQ chờ xử lý.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận NQ, tH3nh phố Hải Phòng căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự.Tuyên bố các bị cáo Đậu Văn N3, Phạm Thị Nhật L, Nguyễn Hải H3 và Ngô Minh Đ phạm tội "Cướp tài sản". Xử phạt bị cáo Đậu Văn N3 và Phạm Thị Nhật L mức án 07 năm 06 tháng tù; xử phạt Nguyễn Hải H3 và Ngô Minh Đ mức án 07 năm tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày15/4/2024, bị cáo Phạm Thị Nhật L kháng cáo, ngày22/4/2024, bị cáo Ngô Minh Đ kháng cáo; cùngxin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Các bị cáo nhận tội nhưng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt. Người bào chữa của bị cáo L trình bày: Nhất trí với tội danh và khung hình phạt áp dụng với bị cáo nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân và điều kiện phạm tội xuất phát từ lỗi của bị hại "ăn chặn" tiền hoa hồng của bị cáo. Bị cáo phạm tội phần nào do thiếu hiểu biết và sự kích động thái quá của các đồng phạm khác. Toà án cấp sơ thẩm không cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ "tự nguyện khắc phục hậu quả" vì đã mang xe gửi ở quán cà phê trả cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Toà án cấp sơ thẩm đã xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ "bị hại có lỗi" và "tự nguyện khắc phục hậu quả" theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51Bộ luật hình sự là không có cơ sở. Tuy nhiện, tại cấp phúc thẩm các bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo; giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của các bị cáonộp trong thời hạn luật định, có nội dungvà hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét. Bị hại đã được triệu tập hợp L nhiều lần nhưng vắng mặt tại

phiên toà, xét bị hại đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra nên Họi đồng xét xử vẫn tiến H3nh xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- *Xét kháng cáo của các bị cáo:*

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận H3nh vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nêu, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của người làm chứng; vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Thị Nhật L, Đậu Văn N3 tiếp nhận ý chí của nhau, rủ đông người đến dùng vũ lực và đe doạ anh Lê Văn T1, làm cho anh T1 tê liệt về ý chí và lâm vào tình trạng không thể chống cự được, nhằm chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng. Các bị cáo Ngô Minh Đ, Nguyễn Hải H3 mặc dù không trực tiếp dùng vũ lực với anh T1 nhưng đã có lời lẽ, cử chỉ và H3nh động giúp sức cho bị cáo L, N3 trong việc uy hiếp tinh thần nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo đã phạm tội "Cướp tài sản"theođiểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sựlà có căn cứ,đúng pháp luật.

[3]Vềtình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cấp sơ thẩm, các bị cáo đã tH3nh khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo Phạm Thị Nhật L có bố, mẹ đẻ tham gia quân đội được tặng Huân chương Quân kỳ quyết T4; bị cáo Đ đã hoàn tH3nh nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; bị hại anh T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy các bị cáo đều được Toà án cấp sơ thẩm cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ cho 02 bị cáo; bị cáo Lxuất trình thêm tài liệu thể hiện là mẹ đơn thân hiện đang phải nuôi con nhỏ mới 5 tuổi, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bố đẻ ốm nặng, mẹ đã nghỉ hưu; bị cáo L và bị cáo Đ cũng đã tác động với gia đình đến xin lỗi, khắc phục tổn thất về tinh thần cho anh T1. Quan điểm của người bào chữa cho rằng các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "tự nguyện khắc phục hậu quả" vì đã mang xe ô tô trả lại cho bị hại là không có căn cứ, bởi lẽ: Bị cáo N3 khai muốn trả xe cho anh T1 nhưng không liên lạc được, nhưng lẽ ra bị cáo có thể mang đến nH3 anh T1 hoặc giao lại cho Cơ quan Công an, chính quyền địa phương, việc mang xe gửi quán cà phê không thể hiện sự tự nguyện này. Đối với quan điểm người bào chữa cho rằng bị hại có lỗi cũng không có cơ sở để chấp nhận; tài liệu, chứng cứ thu thập được không đủ cơ sở xác định bị hại "ăn chặn" tiền hoa hồng của bị cáo L vì ngoài lời khai bị cáo không cung cấp được bất cứ chứng cứ nào khác chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận những quan điểm trên của người bào chữa.

[5]Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá vai trò phạm tội của bị cáo L và bị cáo N3 ngang nhau là phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo L xuất trình thêm tài liệu chứng minh về hoàn cảnh gia đình khó khăn và đơn xin giảm nhẹ mới của bị hại thể hiện đã khắc phục thiệt hại về tinh thần cho bị hại. Đây là các tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn phúc thẩm, được Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng thêm cho bị cáo L.

[6] Bị cáo Đ và bị cáo H3 không trực tiếp tham gia dùng vũ lực hoặc uy hiếp về tinh thần đối với bị hại, H3nh vi của Đ chỉ tham gia đọc lại nội dung để anh T1 ghi vào Giấy nhận nợ L 100.000.000 đồng là thể hiện ý chí đồng phạm với vai trò giúp sức, bị cáo H3 giúp sức trong việc mang chiếc xe ô tô của anh T1 đi cất giữ để làm tin trong việc trả nợ.Tuy nhiên, Đ có mối quan hệ tình cảm yêu đương với bị cáo L nên việc "giúp đỡ" L như trên là đồng phạm với L nhưng chỉ giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Bản thân Đ đã từng hoàn tH3nh nghĩa vụ quân sự trở về địa phương và tại cấp phúc thẩm đã xin lỗi và khắc phục tổn thất về tinh thần cho bị hại,đây là tình tiết giảm nhẹ mới củ bị cáo.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo L và Đ ngoài lần phạm tội này thì có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, tại giai đoạn phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo Đ tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu, bị cáo L là mẹ đơn thân; sự việc phạm tội xuất phát từ thoả thuận không rõ ràng trong quá trình chia tiền hoa hồng môi giới chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị hại và bị cáo. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo sửa bản án sơ thẩm giảm mức hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với quy định tại các Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào đ iểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Nhật L và bị cáo Ngô Minh Đ cùng phạm tội Cướp tài sản.

2. Về mức hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Nhật L 07 (bẩy) năm tù, thời hạn chấp H3nh hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo cáo Ngô Minh Đ 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp H3nh hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2023.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Nhật L và bị cáo Ngô Minh Đ phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận NQ, tH3nh phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDTPHP;
- Cơ quan THAHS quận NQ;
- Công an quận NQ;
- VKSND quận NQ;
- TAND quận NQ;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND phường ĐK, quận NQ;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Minh Hạnh